

KINH BẢN DUYÊN VÃNG SINH TỊNH THỔ CỦA BỒ TÁT QUÁN THẾ ÂM

Hán dịch: Mật tên người dịch_ Nay phụ bản ghi chép của đời Tây Tấn

Việt dịch: HUYỀN THANH

Như vậy tôi nghe. Một thời Đức Phật ngự tại đỉnh núi **Thứu Phong** (Gr̥dhra-kuṭa) trong thành **Vương Xá** (Rāja-gr̥ha) cùng với **chúng Đại Tỳ Khuru** (Mahatā-bhikṣu-saṃgha) và các vị Đại Bồ Tát, tám Bộ Trời Rồng, Người, Phi Nhân...cung kính vây quanh để nghe nói về **Nhân Duyên Bản Sinh của Đại Bồ Tát**.

Bấy giờ trước mặt Đức Phật có ánh sáng lớn, chiếu khắp cõi **Nam Diêm Phù Đề** (Jambu-dvīpa) dần dần lan đến cõi nước ở phương khác. Rồi trong ánh sáng có nói **Kệ** rằng:

“Thành tựu Môn **Đại Bi Giải Thoát**

Thường tại **Sa Bà** (Sahā-loka-dhātu), núi **Bồ Đà** (Potala)

Ngày đêm sáu lần, quán Thế Gian

Bản Nguyện, Nhân Duyên lợi tất cả”

Lúc đó Chúng Hội nhìn thấy ánh sáng này, nghe nói lời Kệ, sinh tưởng chưa từng có, không có ai chẳng nghi ngờ lấy làm lạ, liền theo thứ tự hỏi Nhân Duyên, nhưng không có người đáp.

Khi ấy trong Chúng có một vị Bồ Tát Ma Ha Tát tên là **Tổng Trì Tự Tại** (Dhāraṇīsvara) từ chỗ ngồi đứng dậy, liền bạch Phật rằng: “Thế Tôn ! Có Nhân Duyên gì mà hiện ánh sáng này ? Người nào đã phóng ra ? Đại Chúng chúng con nhìn thấy ánh sáng này, nghe nói Kệ tụng, nhưng chưa biết Nhân Duyên. Nguyện xin vì chúng con mà nói Nhân Duyên ấy”

Đức Phật bảo Tổng Trì Tự Tại Bồ Tát: “Lành thay ! Lành thay ! Các ông hãy nghe cho kỹ ! Từ đây đến phương Tây, vượt hơn 20 hằng hà sa cõi Phật, có Thế Giới tên là **Cực Lạc** (Sukhā-vatī). Chúng sinh ở cõi ấy không có mọi điều khổ, chỉ thọ nhận các điều vui sướng. Nước ấy có Đức Phật, hiệu là **A Di Đà** (Amita) có đầy đầy chúng Thánh thuộc **ba Thừa** (Trīṇi yānāni), trong ấy có một vị **Nhất Sinh Bồ Xứ Đại Sĩ** (Eka-jāti-pratibaddha) tên là **Quán Thế Âm Tự Tại** (Avalokiteśvara) từ lâu đã gieo trồng căn lành (Kuśala-mūla: Thiện căn), thành tựu Hạnh Nguyện **Đại Bi** (Mahā-kāraṇa) ngày nay đi đến cõi này. Vì muốn hiển bày Nhân Duyên **gốc ngọn** sinh về Tịnh Thổ mà hiện ra ánh sáng này chiếu khắp Thế Giới, chẳng lâu sẽ tự đi đến. Các ông nên hỏi Nhân Duyên của Kệ tụng”

Bấy giờ Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát, trăm ngàn chúng Đại Bồ Tát đều cùng nhau đi đến đỉnh núi **Thứu**, cúi đầu mặt lễ Đức Phật, tán thán cúng dường xong thì lui ra ngồi ở một bên.

Thời Tổng Trì Tự Tại Bồ Tát nương theo uy lực của Đức Phật, đến chỗ của Quán Thế Âm thăm hỏi lẫn nhau rồi bạch với Quán Thế Âm rằng: “Thiện Nam Tử (Kula-putra) đã phóng ra ánh sáng, diễn nói **Già Đà** (Gāthā: Kệ tụng) vi diệu, nhưng chưa biết Nhân Duyên **gốc ngọn**. Nay ý của ông như thế nào ?”

Thời Quán Thế Âm Bồ Tát bảo Tổng Trì Bồ Tát rằng: “Vào thời quá khứ cách nay A Tăng Kỳ Kiếp chẳng thể nói, ngay ở **Nam Diêm Thiên Trúc** có một nước tên là **Ma Niết Bà Tra**, nước ấy có một vị Phạm Sĩ tên là **Trưởng Na** vốn là nhà giàu có sung túc, có người vợ tên là **Ma Na Tư La**, chưa có con cái. Hai vợ chồng thường

than thờ hối hận: “*Tài sản của chúng ta tuy giàu có sung túc, cũng không có niềm khác, chưa có con cái, thật đáng ân hận !...*”.

Hai vợ chồng cầu đảo Thiên Thần, ân trọng cầu con. Chẳng bao lâu thì người vợ mang thai, đủ tháng sinh ra đứa con trai đoan chính khôn sáng. Khi con được ba tuổi thì lại sinh thêm đứa con trai.

Vị Phạm Sĩ được hai đứa con, liền mời Thầy coi Tướng đến xem cho hai đứa con. Thầy Tướng nhìn xem rồi chẳng thích, rất lâu mới bảo rằng: “*Đứa con này tuy đoan chính nhưng chẳng lâu sẽ ly biệt cha mẹ. Người anh gọi là **Tảo Ly** (sớm xa lia), người em gọi là **Tốc Ly** (mau chóng xa lia)*”

Tuy nghe lời này nhưng hai vợ chồng đều cùng nhau yêu thương, nuôi dưỡng, không có chán ghét. Khi **Tảo Ly** được bảy tuổi, **Tốc Ly** được năm tuổi thì người mẹ **Ma Na Tư La** bị bốn Đại trái ngược chẳng điều hoà, phát khởi bệnh nặng, hình sắc suy kém, lo lắng bệnh khổ chẳng được ngồi yên, dứt hẳn ăn uống. Lúc sắp vào cửa Tử thì hai đứa con ở hai bên mẹ, kính nhìn mặt mắt, lo buồn khóc lóc. Bà mẹ nghe tiếng buồn khóc của con thì máu lệ tuôn trào, từ giường bệnh ngồi dậy, đưa hai bàn tay xoa đầu hai đứa con rồi nói rằng: “*Sống chết tổn hại chẳng thể thoát được. Lời Thầy xem tướng đã nói, có thật thể chẳng ?!...Chỉ ân hận là các con chưa được trưởng thành, phải chịu biệt ly. Ta có tội báo gì ?!... Các con không có Hạnh nào đây ?!...*”

Khi ấy **Tảo Ly** ở ngay bên cạnh chiếc gối, mê man nằm xuống, rất lâu mới tỉnh dậy, kêu Trời, xưng rằng: “*Chúng con như ngày hôm nay, chỉ là kẻ thơ dại không có sự nhận thức. Không có **Sinh Mẫu** thì ai là người bày lối cầm giữ sự sáng suốt ?! Trời Đất trống rỗng mệnh mông, Thần Tâm không có nơi nương cậy, sao mà buông xả, bảo lời biệt ly ?!...*”

Bi Mẫu liền khuyên bảo rằng: “*Pháp của Thế Gian như thế, có sinh ắt có diệt. Ví như ngựa chạy, nước chảy đều chẳng trụ lâu. Nay nghe tiếng khóc thương, càng sinh thêm bệnh yếu tiều*”

Lại **Tốc Ly** do Tâm còn thơ dại, duỗi hai bàn tay ôm chặt cái cổ, lớn tiếng khóc lóc.

Lúc ấy, **Ma Na Tư La** nói với hai đứa con rằng: “*Nắm giữ sự sáng suốt đi đến Đạo thì không có gì qua được cách **phát Tâm Bồ Đề**. Tâm Bồ Đề chính là Đại Bi. Nếu đến lúc lớn tuổi, muốn báo đáp bốn Ân thì thích hợp nên phát Tâm. Như chỉ biết việc hôm nay, con đừng khóc lóc nữa, mẹ tuy chết đi nhưng còn có cha chung sống*”

Liền kêu gọi **Trưởng Na**, rồi nói lời trần trời rằng: “*Nay tôi cùng với ông như bánh xe, như cánh chim, rồi có hai đứa con. Tôi chết, ông sống. Ông nên yêu thương nuôi dưỡng chúng chẳng khác gì lúc tôi còn sống, nhưng lại theo Duyên khác thì đừng có Tâm thay đổi*”

Phạm Sĩ nghe lời trần trời của vợ thì mê man té xuống đất. Khi tỉnh lại thì xưng rằng: “*Chiếc xe không có một bánh, chẳng thể tiến được một bước. Con chim không có một cánh, chẳng thể bay một thước trên hư không được. Bà vào cửa chết thì tôi cùng với ai nuôi dưỡng hai đứa con đây ?!... Vợ chồng biệt ly, ân ái đến lúc buồn thương. Tôi chẳng ưa thích Thế Gian, muốn bỏ mạng đi vào cửa chết*”

Thời người vợ lại nói: “*Hai đứa con do tôi cùng với ông sinh ra. Nguyên dưng biệt ly mà nuôi dưỡng hai con*”

Nói xong, nhắm mắt. Người cha với hai đứa con giữ lấy lời trần trời, mai táng thân thể mẹ xong, quay về nhà. Người anh ở ngay trên đầu gối phải lưu luyện yêu mến mẹ, người em ở ngay trên đầu gối trái tìm thức ăn mà buồn thương.

Vị Phạm Sĩ ôm giữ sự lo âu nên tác niệm này: “*Ta không có sức, phải tìm người nữ khác làm vợ để nuôi dưỡng con thơ*”

Bởi thế, có một vị Phạm Sĩ tên là **Tỳ La**, có một cô con gái, tâm tình trinh lương. Liên lấy cô gái ấy về làm vợ. Gặp lúc đời sống đói khổ, tiền tài, lúa đậu cạn dần, kho tàng rỗng không, sinh hoạt không có chỗ dựa. Ông **Trưởng Na** liền bảo vợ rằng: *“Tôi nghe ở phía Bắc, đến đây khoảng bảy ngày, có một ngọn núi tên là **Đàn Na La** có quả trái ngon ngọt tên là **Trần Đầu**, nên tôi sẽ đi đến núi ấy lấy **Diệu Quả** để nuôi bà với hai đứa con, sau một thời gian bà chờ tôi quay về, ắt sẽ có thể nuôi nấng nhau”*

Người vợ nhận lời chồng, nuôi dưỡng hai đứa con như mẹ đẻ. Người chồng một mình đi đến núi ấy, sau 14 ngày vẫn chưa quay về. Thờ người vợ sinh niệm khác, tác suy nghĩ này: *“Nếu **Trưởng Na** trụ ở núi ấy chẳng về thì Ta làm thế nào nuôi dưỡng hai đứa con được. Nếu hái được quả trái, tuy trở về nhưng ông ấy chỉ nghĩ đến hai đứa con, còn phần của Ta ra sao?!... Nay dùng phương tiện trừ bỏ hai đứa con”*

Suy nghĩ xong, nói chuyện với **Hải Sur** (người đóng thuyền đi biển) rồi bảo hai đứa con: *“Mẹ không có khả năng nuôi dưỡng hai con mà cha con lại đi chưa về. Từ đây về phương Nam, rất gần có cái đảo, bờ biển cao vút, bờ ấy có quả trái ngon ngọt, bãi biển có cỏ đẹp. Mẹ với các con cùng nhau đến cái đảo có một không hai ấy (Tuyệt đảo)”*

Liên đến chỗ người lái thuyền cùng với hai đứa con nương theo thuyền vượt biển, đến bờ của **Tuyệt Đảo**, rồi bảo hai đứa con: *“Hai người các con, trước tiên bước xuống, vui đùa với cát ở bãi biển. Mẹ ở ngay trong thuyền, xem xét lương thực còn lại, tiếp theo đi xuống tìm kiếm cỏ, quả”*

Hai đứa con liền bước xuống, vui đùa chạy nhảy Đông Tây, chẳng hề biết việc sau này. Bà mẹ kể âm thầm nương theo chiếc thuyền cũ, quay về làng xưa. Hai đứa con quay lại đến bãi biển cũ, không nhìn thấy cái thuyền và chẳng biết bà mẹ chẳng đi đâu. Liên chạy khắp bờ biển, mệ mội cất tiếng gọi mẹ, nhưng không có người trả lời. Hai đứa con buồn khóc ngày đêm.

Người anh **Tảo Ly** nói lời như vậy: *“Bi Mẫu bảo biệt ly, một lần đi chẳng trở lại. Cha hiền đi đến núi **Đàn Na La** cũng chưa quay về. Mẹ kể đưa chúng ta đến **Tuyệt Đảo** rồi ngầm quay lại. Như thế thì làm sao giữ được thân mạng đây?!...”*

Thời nhớ lại lời trần trời của mẹ đẻ (sinh mẫu): *“Con nên phát **Tâm Vô Thượng Đạo**, thành tựu **Đại Bi** của **Bồ Tát**, hành **Môn** giải thoát, trước tiên hoá độ người khác, sau đó thành **Phật**. Hoặc vì người không có cha mẹ thì hiện hình tượng của cha mẹ. Hoặc vì người không có **Sư Trưởng** thì hiện thân **sư trưởng**. Hoặc vì người bản tiện thì hiện thân **phú quý, quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ, tế quan, Bà La Môn, bốn Chúng, tám Bộ**, tất cả tùy theo loại không có gì chẳng hiện. Nguyên cho con thường ở tại hòn đảo này, đối với cõi nước ở mười phương, hay ban cho sự an vui, khiến cho người thọ dụng sớm ra khỏi sinh tử. Nguyên cho con tùy theo chỗ mẹ sinh ra, chẳng lìa nơi cha sinh ra”*.

Như vậy phát một trăm lời Nguyên, rồi chấm dứt tuổi thọ

Người cha **Trưởng Na** từ núi **Đàn Na La** hái quả **Trần Đầu** rồi quay về nhà cũ, trước tiên hỏi hai đứa con ấy, bà mẹ kể liền đáp rằng: *“Con của ông, ngày nay chỉ biết đi xin, tìm thức ăn uống nên đã đi xa rồi”*

Người cha ấy có một vị bằng hữu, nên đến chỗ của người ấy hỏi xem con mình ở chốn nào.

Người ấy đáp rằng: *“Sau khi ông ra đi, hơn 14 ngày thì bà mẹ kể đưa đến **Tuyệt Đảo** ở biển Nam, bị đói mà chết, quyết chẳng nghi ngờ”*

Lúc đó **Trưởng Na** than thở, rất tự trách mình: “*Ta đến núi **Đàn Na La** lấy quả trái ngon ngọt rồi trở về để nuôi dưỡng hai đứa con. Nhưng có tội gì mà chột gặp hai nỗi buồn ly biệt? Sự biệt ly lúc trước đã khó nhẫn nổi, nay cũng gặp phải cảnh biệt ly người sống, thật chẳng thể chịu đựng nổi !...*”

Liên tìm kiếm chiếc thuyền nhỏ, đến bãi biển ở Tuyệt Đảo, vội vã tìm khắp bốn phương thì chỉ nhìn thấy xương trắng gom tụ tại một chỗ, quần áo phân tán ngay bãi biển, nên biết đây là xương cốt của con mình. Liên ôm xương, áo, khóc lóc, phát nguyện: “*Nguyện tôi độ thoát các chúng sinh ác mau thành Phật Đạo. Hoặc biến làm Đại Địa, hoặc nước, lửa, gió. Hoặc biến làm cỏ, cây, rừng rậm vì chúng sinh làm nơi nương tựa, dừng nghỉ. Hoặc biến làm năm loại lúa đậu tăng ích cho người khác, Hoặc nếu Trời, nếu Người, nếu Thần, tất cả loại hình quý tiện ...không có cõi nào chẳng hiện thân*”

Như vậy phát năm trăm lời Nguyện, lại nguyện “*Tôi thường trụ ở Thế Giới Sa Bà, nói Pháp giáo hoá*”

Như thời gian này, chẳng ăn nên dứt mạng. Cõi Diêm Phù Đề chấn động lớn, chư Thiên đi đến tập hội, chim thú buồn kêu chẳng yên, trong hư không tán hoá, cúng dường đám xương trắng.

Vị Phạm Sĩ **Trưởng Na** khi ấy, nay là **Thích Ca Mâu Ni Như Lai**, bà mẹ **Ma Na Tư La** là Đức **A Di Đà Như Lai** ở phương Tây, vị bằng hữu là **Tổng Trì Tự Tại Bồ Tát**. Núi **Đàn Na La** khi xưa, nay là **Linh Sơn. Tuyệt Đảo** xưa kia, nay là núi **Bồ Đà Lạc** vậy

Khi **Kiếp Hoại** thời Thế Giới vật chất (Khí giới) tuy hoại, lúc **Kiếp Thành** thời mặt bắc của ngọn núi ấy có cái hang như Kim Cương, có tảng đá lớn, hiệu là **Bảo Nghiệp**. Ta thường ở ngay trên tảng đá ấy, nói Môn **Đại Bi Hạnh Giải Thoát** thành tựu chúng sinh.

Xưa kia, vì **Tảo Ly** phát nguyện ở trên đỉnh núi, có điện đường bảy báu trang nghiêm kỳ diệu. Ta thường ở tại cung điện báu dạy bảo lợi vui.

Xưa kia, nơi kêu gọi cha mẹ. Ta y theo chỗ ấy sinh về Tịnh Thổ được địa vị Bất Thoái, do nghĩ nên chớ xả thân khi xưa nên thường ở tại núi ấy, chim thú khác loài. Chỗ Ta đã hoá khi xưa hiện ra cây cỏ hướng về chỗ xả thân, cúi gặp cành lá. Nên biết **Kệ Tụng** trong ánh sáng cũng là Nhân Duyên *đầu cuối* như vậy

Bấy giờ Đức **Thích Ca Mâu Ni Như Lai** khen ngợi Quán Thế Âm Bồ Tát: “*Lành thay ! Lành thay ! Thật như lời đã nói Nhân Duyên vãng sinh, mỗi mỗi như điều này. Các người nên biết, như ngày hôm nay, Ta với Đức A Di Đà một lần hoá *đầu cuối* vậy*”

Ví như cha mẹ có một đứa con thơ dại bị rơi xuống đáy giếng, người cha ấy liền xuống đáy giếng cứu đứa con ấy đem lên trên bờ. Người mẹ kia ở trên bờ, ôm lấy nuôi nấng, các người thân thuộc trợ giúp cho người mẹ nuôi chí, kết bạn bè thích hợp, chẳng quay lại trong chỗ dơ bẩn của cái giếng cũ.

Ta như người *cha hiền* (Tử Phụ), chúng sinh năm Trược như tụy ở đáy giếng.

Đức **A Di Đà** như *bà mẹ yêu thương* (Bi Mẫu) ở ngay trên bờ.

Như nhóm Quán Thế Âm ở Tịnh Thổ như bạn bè

Được **Bất Thoái** như chẳng quay lại.

Nên biết vào cõi **Sa Bà**, ở trong năm uế trược, giáo hoá chúng sinh ngu si trong sáu nẻo. Nay sinh về Tịnh Thổ thì **Di Đà** dẫn dắt chẳng buông. **Quán Thế Âm**

(Avalokiteśvara), **Đại Thế Chí** (Mahā-sthāma-prāpta) thủ hộ khiến cho chẳng thoái lui quay trở lại...đều y theo Nhân Duyên Thế Nguyên xưa kia vậy”

Bấy giờ Đức **A Di Đà Như Lai**, vô số trăm ngàn chúng Thánh, hiện trong hư không, nói **Kệ** rằng:

“Lành thay ! **Thích Ca Văn** (Śākya-muṇi) !
Tại **Trực** (Kaṣāya) lợi chúng sinh
Người nghe tên, thấy thân
Quyết định thành Phật Đạo
Do Nhân Duyên xưa kia
Nay đến hiện trong không
Muốn sinh vào nước Ta
Đều đón đến phương Tây”

Khi ấy Đức Phật **Thích Ca Mâu Ni** (Śākya-muṇi) khen Đức **A Di Đà**, nói **Kệ** là:

“Lành thay ! **Lưỡng Túc Tôn** (Dvipadottama)
Hay lợi cõi **Sa Bà** (Sahā-lokadhātu)
Chứng minh Pháp chân thật
Từ Bi cho tất cả
Nếu có nghiệp chướng nặng
Không **nhân** (Hetu) sinh Tịnh Thổ
Nương sức nguyện **Di Đà**
Sinh về nước **An Lạc** (Sukhāvātī)
Nếu người tạo nhiều tội
Đáng đọa trong Địa Ngục
Mới nghe tên **Di Đà**
Lửa mạnh hoá mát mẻ
Nếu niệm **Di Đà Phật**
Liền diệt vô lượng tội
Nay, nhận vui khôn sánh
Sau, sinh về Tịnh Thổ”

Bấy giờ **Quán Thế Âm** từ chỗ ngồi đứng dậy, nói **Kệ** rằng:

“Hai Tôn như **Nhật xuất** (mặt trời hiện ra)
Hay phá ám sinh tử
Hiện bày Nhân Duyên xưa
Trải kiếp chẳng bại vong
Ta nhớ vô lượng kiếp
Ngay bên cạnh **Tuyệt Đảo**
Nhân Duyên lúc phát Tâm
Thường ở **Bổ Đà Lạc** (Potala)
Hai Tôn là cha mẹ
Nay tại cõi **Tịnh, Uế**
Trợ nhau dạy Thế Gian”

Khi ấy, **Đại Thế Chí** nói **Kệ** rằng:

“Ta từ mới phát Tâm
Theo hai Tôn chẳng lìa

Nay nghe Nhân Duyên xưa
Hay biết Duyên chẳng hết
Lúc Ta động một chân
Ba ác lia khổ não
Nếu khi sinh Tịnh Thổ
Trao tay, đón phương Tây”

Lúc đó, **Tổng Trì Tự Tại Vương** cũng lại dùng **Kệ** nói rằng:
“Xưa ta là bạn bè
Ngày nay hay biết nhau
Ngày sau người được nghe
Quyết định sinh Tịnh Thổ”

Bấy giờ Đức Phật A Di Đà đột nhiên chẳng hiện. Đại Chúng vui vẻ, làm lễ rồi lui ra.

KINH BẢN DUYÊN SINH VỀ TỊNH THỔ CỦA QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT
Hết

11/08/2011